BỘ NỘI VỤ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1435 /QĐ-BNV	*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Hướng dẫn kỹ thuật kết nối, đồng bộ, cập nhật và khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị quyết 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 374/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 276/2026/NĐ-CP ngày 08/7/2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 1275/QĐ-BNV ngày 19/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy trình tạo lập, quản lý, khai thác và chia sẻ Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Việc làm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn kỹ thuật kết nối, đồng bộ, cập nhật và khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Việc làm, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các Bộ: Công an; Tài Chính; Y tế (để p/hợp);
- Trung tâm CNTT (để t/hiện);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Nội vụ (để đăng tải);
- Lưu: VT, CVL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Khương

PHỤ LỤC

Hướng dẫn kỹ thuật kết nối, đồng bộ, cập nhật và khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp

(Kèm theo Quyết định số 1435/QĐ-BNV ngày 26/11/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Hướng dẫn này xác định nguyên tắc, tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật và phương thức kết nối phục vụ việc thực hiện Quy trình tạo lập, quản lý, khai thác và chia sẻ Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 1275/QĐ-BNV ngày 19/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; bảo đảm liên thông, an toàn và bảo mật khi trao đổi dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác.

2. Hướng dẫn này là cơ sở thống nhất về kỹ thuật để tổ chức kết nối, trao đổi, đồng bộ và khai thác dữ liệu; không làm thay đổi thẩm quyền quản lý nhà nước, thẩm quyền tạo lập, xác nhận, cập nhật và chịu trách nhiệm về dữ liệu của cơ quan, đơn vị chủ quản dữ liệu gốc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ được giao quản lý, vận hành, quản trị hoặc cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp;

2. Các cơ quan, đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc lĩnh vực Bảo hiểm thất nghiệp;

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phép kết nối, khai thác và sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp;

4. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và đơn vị cung cấp giải pháp kỹ thuật tham gia xây dựng, kết nối, tích hợp, đồng bộ, vận hành Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo phạm vi được giao.

Điều 3. Nguyên tắc kết nối, đồng bộ, cập nhật và khai thác dữ liệu

1. Dữ liệu được kết nối, đồng bộ, cập nhật và khai thác theo đúng thẩm quyền, mục đích, phạm vi và quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm dữ liệu được quản lý theo nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung, phù hợp với mô hình Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

3. Cơ quan, đơn vị chủ quản dữ liệu gốc chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và tính pháp lý của dữ liệu do mình tạo lập, quản lý và cung cấp.

4. Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp thực hiện thu thập, cập nhật, đồng bộ, chuẩn hóa, đối soát và cung cấp dữ liệu theo phạm vi, thẩm quyền được giao; không thay thế cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc không làm thay đổi trách nhiệm của cơ quan chủ quản dữ liệu gốc.

5. Ưu tiên kết nối, đồng bộ dữ liệu tự động thông qua API và các phương

thức trao đổi dữ liệu điện tử; hạn chế việc trao đổi dữ liệu thủ công, dữ liệu đóng gói khi đã đáp ứng đủ điều kiện kết nối.

6. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và các quy định về bảo mật trong toàn bộ quá trình kết nối, truyền nhận, lưu trữ, cập nhật và khai thác dữ liệu.

Điều 4. **Kết nối và đồng bộ dữ liệu**

1. Việc kết nối, đồng bộ dữ liệu phải phù hợp với ba nguồn tạo lập và các luồng trao đổi được quy định tại Quyết định số 1275/QĐ-BNV ngày 19/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, theo các phương thức kỹ thuật sau:

a) Thông qua dịch vụ API theo kiến trúc, tuyến kết nối được phê duyệt hoặc được cơ quan quản lý nền tảng thống nhất;

b) Thông qua LGSP/LDOP Bộ Nội vụ và các nền tảng quốc gia theo vai trò, tuyến kết nối tương ứng;

c) Trao đổi dữ liệu theo gói dữ liệu điện tử trong trường hợp chưa đủ điều kiện kết nối trực tuyến;

d) Phương thức khác theo quy định hoặc theo phương án kết nối được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

2. Dữ liệu trước khi đồng bộ phải được kiểm tra về cấu trúc, định dạng, mã định danh, tính đầy đủ, tính hợp lệ và khả năng đối soát.

3. Dữ liệu phát sinh mới, thay đổi hoặc điều chỉnh tại cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải được cập nhật, đồng bộ về Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo tần suất và phương thức được thống nhất giữa các bên.

4. Đối với dữ liệu chưa đáp ứng điều kiện kết nối trực tuyến, đơn vị quản lý dữ liệu gốc có trách nhiệm xây dựng phương án, lộ trình và thời hạn hoàn thành việc kết nối, đồng bộ tự động.

5. Phân định các luồng:

(a) Tiếp nhận, tạo lập dữ liệu từ 03 nguồn theo Quyết định số 1275/QĐ-BNV;

(b) Chia sẻ trong Bộ Nội vụ qua LGSP/LDOP;

(c) Đồng bộ dữ liệu tới Trung tâm Dữ liệu quốc gia qua LGSP/LDOP – Agent Node – NDOP;

(d) Chia sẻ với bộ, ngành qua NDXP hoặc tuyến tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia được thống nhất. Việc trao đổi phải xác định đầu mối nguồn, đích, trách nhiệm vận hành và cơ chế xác nhận kết quả.

Điều 5. Cập nhật và quản lý chất lượng dữ liệu

1. Việc cập nhật dữ liệu phải bảo đảm xác định rõ:

a) Nguồn dữ liệu;

b) Cơ quan, đơn vị tạo lập và quản lý dữ liệu;

c) Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xác nhận dữ liệu;

d) Cơ quan, đơn vị thực hiện cập nhật, điều chỉnh dữ liệu;

đ) Thời điểm tạo lập, cập nhật, điều chỉnh dữ liệu;

e) Lịch sử thay đổi dữ liệu.

2. Dữ liệu sau khi tiếp nhận được kiểm tra, đối soát và xử lý theo quy định kỹ thuật trước khi đưa vào khai thác, sử dụng.

3. Trường hợp phát hiện dữ liệu không chính xác, không đầy đủ, trùng lặp hoặc có sai lệch, Cục Việc làm chủ trì, phối hợp đơn vị vận hành thông báo cho đơn vị tạo lập, quản lý dữ liệu nguồn để kiểm tra, xác minh, điều chỉnh và đồng bộ lại theo thẩm quyền; ghi nhận nguyên nhân, kết quả xử lý và lịch sử thay đổi. Không đưa dữ liệu chưa đủ điều kiện vào chia sẻ, khai thác chính thức.

4. Việc điều chỉnh dữ liệu tại Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp không làm thay đổi dữ liệu gốc tại cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền quy định hoặc cho phép.

Điều 6. **Khai thác và sử dụng dữ liệu**

1. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp được khai thác, sử dụng phục vụ:

a) Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp;

b) Cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản trị công;

c) Giám sát, phân tích, nghiên cứu, hoạch định chính sách phát triển quốc gia;

d) Hỗ trợ quản lý, chỉ đạo, điều hành của cấp có thẩm quyền;

đ) Tạo lập, chuẩn hóa, đồng bộ các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương;

e) Cung cấp thông tin, dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp để phát triển kinh tế số, xã hội số;

g) Phục vụ công tác phòng, chống tội phạm;

h) Quan hệ hợp tác quốc tế để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới và hội nhập quốc tế;

i) Các mục đích khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2. Việc khai thác dữ liệu phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị và phạm vi quyền khai thác được cấp.

3. Việc khai thác dữ liệu được thực hiện thông qua các phương thức phù hợp như giao diện ứng dụng, API, dịch vụ dữ liệu hoặc các phương thức khác theo quy định kỹ thuật.

4. Việc khai thác dữ liệu phải được xác thực, phân quyền và ghi nhật ký để phục vụ kiểm tra, giám sát và truy vết.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Cục Việc làm, Bộ Nội vụ:

a) Chủ trì quản lý nghiệp vụ, quy định tiêu chí chất lượng dữ liệu, tổ chức đối soát, xác nhận dữ liệu và đề xuất phạm vi khai thác, chia sẻ Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo phân công;

b) Chủ trì phối hợp hướng dẫn nghiệp vụ và tiếp nhận, tổng hợp yêu cầu kết nối; phối hợp Trung tâm Công nghệ thông tin và đơn vị vận hành triển khai kết nối, đồng bộ theo phân công;

c) Phối hợp kiểm tra, giám sát quá trình truyền, nhận, đồng bộ và khai thác dữ liệu; phân định xử lý lỗi kỹ thuật với xác minh nội dung nghiệp vụ;

d) Phối hợp với đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành thực hiện đối soát, xử lý dữ liệu lỗi, dữ liệu không hợp lệ;

đ) Phối hợp các đơn vị được giao vận hành xác định phạm vi tài khoản, phân quyền và yêu cầu truy vết theo thẩm quyền quản lý;

e) Chủ trì cập nhật, điều chỉnh Hướng dẫn kỹ thuật khi có thay đổi về kiến trúc, công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc yêu cầu quản lý.

2. Các đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu chuyên ngành:

a) Bảo đảm dữ liệu cung cấp cho Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp thuộc phạm vi quản lý và được cung cấp đúng thẩm quyền;

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và tính pháp lý của dữ liệu gốc;

c) Thực hiện kết nối, đồng bộ và cập nhật dữ liệu theo phương thức, tần suất và yêu cầu kỹ thuật đã thống nhất;

d) Phối hợp xử lý các trường hợp dữ liệu sai lệch, thiếu, trùng lặp hoặc không đồng bộ được;

đ) Thực hiện các yêu cầu về bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu trong quá trình kết nối.

3. Cơ quan, đơn vị khai thác dữ liệu:

a) Sử dụng dữ liệu đúng mục đích, phạm vi và thẩm quyền;

b) Không cung cấp, chia sẻ hoặc sử dụng lại dữ liệu trái quy định;

c) Bảo đảm an toàn tài khoản, thông tin xác thực và các thông tin được cung cấp;

d) Chịu trách nhiệm về việc khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định.

4. Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Nội vụ: Phối hợp về kiến trúc, tiêu chuẩn kỹ thuật, phương án kết nối qua LGSP/LDOP và bảo đảm an toàn thông tin theo chức năng, nhiệm vụ và phân công của Bộ.

5. Đơn vị được giao vận hành hệ thống: Thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật về vận hành, quản trị tài khoản kỹ thuật, sao lưu, giám sát, xử lý lỗi kết nối, đồng bộ, chuyển đổi dữ liệu theo phân công; không thay thế thẩm quyền xác nhận nội dung nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc yêu cầu điều chỉnh kỹ thuật, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Nội vụ (qua Cục Việc làm) để tổng hợp, phối hợp các đơn vị liên quan trình xem xét, quyết định.

CHƯƠNG II
KỸ THUẬT KẾT NỐI, ĐỒNG BỘ, CẬP NHẬT VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU GIẢI QUYẾT HƯỞNG BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

I. Phương thức kết nối

1. Mô hình kết nối

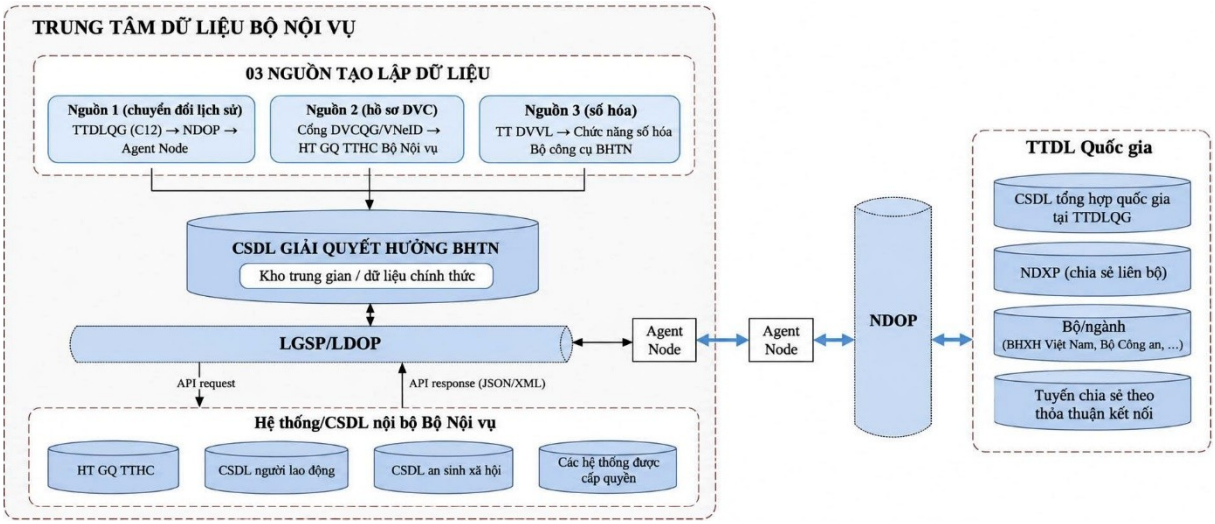

Hình 1. Sơ đồ logic các luồng tiếp nhận, đồng bộ và chia sẻ dữ liệu theo Quyết định số 1275/QĐ-BNV (thể hiện bằng bảng luồng kỹ thuật).

Luồng	Nguồn → Nền tảng / Hệ thống → Đích
Nguồn 1 (chuyển đổi lịch sử)	TTDLQG (C12) → NDOP → Agent Node → LGSP/LDOP Bộ Nội vụ → Bộ công cụ BHTN → Kho trung gian CSDL BHTN
Nguồn 2 (hồ sơ DVC)	Cổng DVCQG/VNeID → HT GQ TTHC Bộ Nội vụ → LGSP Bộ Nội vụ → Bộ công cụ BHTN → Kho trung gian CSDL BHTN
Nguồn 3 (số hóa)	TT DVVL → chức năng số hóa của Bộ công cụ BHTN → Kho trung gian CSDL BHTN
Chia sẻ trong Bộ	CSDL BHTN → LGSP/LDOP → HT GQ TTHC, CSDL người lao động, CSDL an sinh xã hội và các hệ thống được cấp quyền
Đồng bộ tới TTDLQG	CSDL BHTN → LGSP/LDOP → Agent Node → NDOP → CSDL tổng hợp quốc gia tại TTDLQG
Chia sẻ liên bộ	CSDL BHTN → LGSP/LDOP → NDXP → bộ/ngành; hoặc tuyến qua TTDLQG theo thỏa thuận kết nối

Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp (CSDL BHTN) được tạo lập từ ba nguồn: (1) dữ liệu thí điểm tại TTDLQG/C12; (2) dữ liệu hồ sơ dịch

vụ công phát sinh qua Cổng DVCQG, Hệ thống giải quyết TTHC Bộ Nội vụ và Bộ công cụ BHTN; (3) dữ liệu số hóa hồ sơ lịch sử tại Trung tâm Dịch vụ việc làm. Dữ liệu tiếp nhận được đưa vào kho trung gian, kiểm tra và xác nhận trước khi khai thác, chia sẻ chính thức.

LGSP/LDOP Bộ Nội vụ là đầu mối tích hợp, chia sẻ dữ liệu; luồng đồng bộ về TTDLQG sử dụng LGSP/LDOP – Agent Node – NDOP; luồng chia sẻ liên bộ sử dụng NDXP hoặc tuyến chia sẻ qua TTDLQG theo thỏa thuận kết nối đã thống nhất. NDOP, NDXP không được hiểu là các nền tảng thay thế hoàn toàn cho nhau.

Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nội bộ Bộ Nội vụ được khai thác qua LGSP/LDOP theo quyền được cấp. Việc tiếp nhận dữ liệu từ hệ thống bên ngoài và chia sẻ với các bộ, ngành phải xác định nguồn, đích, đơn vị đầu mối và trách nhiệm kỹ thuật theo từng tuyến kết nối tại Quyết định số 1275/QĐ-BNV và thỏa thuận kết nối.

Việc sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng và các giải pháp bảo vệ kết nối thực hiện theo quy định, kiến trúc được phê duyệt và phương án kết nối thống nhất. API là phương thức trao đổi ở tầng ứng dụng, không mặc nhiên có nghĩa được bỏ qua LGSP/LDOP hoặc các nền tảng trung gian đã xác định trong quy trình.

2. Nhóm dữ liệu được chia sẻ, khai thác

Các nhóm dữ liệu được chia sẻ từ CSDL BHTN gồm 19 nhóm nghiệp vụ và 08 danh mục dùng chung. Bộ dữ liệu đồng bộ về Trung tâm Dữ liệu quốc gia sử dụng quy ước mã nguồn G09, Agent Node và định dạng bản tin đã được thống nhất cho luồng này. Các dịch vụ API khai thác qua LGSP/LDOP/NDXP sử dụng định dạng theo hợp đồng dịch vụ tương ứng; không áp dụng mặc định yêu cầu XML/ký số của luồng TTDLQG cho mọi API GET.

- Bảng nhóm dữ liệu được chia sẻ khai thác:

STT	Nhóm dữ liệu
1	Nhóm 1: Dữ liệu thông tin cơ bản về người lao động.
2	Nhóm 2: Dữ liệu thông tin hợp đồng lao động và đơn vị làm việc cuối cùng.
3	Nhóm 3: Dữ liệu thông tin hưởng trợ cấp thất nghiệp.
4	Nhóm 4: Dữ liệu thông tin quyết định bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp.
5	Nhóm 5: Dữ liệu thông tin về việc tìm kiếm việc làm.
6	Nhóm 6: Dữ liệu thông tin tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp.
7	Nhóm 7: Dữ liệu thông tin tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp.
8	Nhóm 8: Dữ liệu thông tin chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp.
9	Nhóm 9: Dữ liệu thông tin đề nghị tạm dừng chi trả trợ cấp thất nghiệp gửi cơ quan BHXH nơi chuyển đi.
10	Nhóm 10: Dữ liệu thông tin đề nghị tiếp tục chi trả trợ cấp thất nghiệp gửi cơ quan BHXH nơi chuyển đến.
11	Nhóm 11: Dữ liệu thông tin hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (người lao động).
12	Nhóm 12: Dữ liệu thông tin hủy quyết định hỗ trợ đào tạo (người lao động).
13	Nhóm 13: Dữ liệu thông tin hủy quyết định trợ cấp thất nghiệp (người lao

	động).
14	Nhóm 14: Dữ liệu thông tin thu hồi tiền hỗ trợ đào tạo (người lao động).
15	Nhóm 15: Dữ liệu thông tin thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp (người lao động).
16	Nhóm 16: Dữ liệu thông tin hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm.
17	Nhóm 17: Dữ liệu thông tin thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm (người sử dụng lao động).
18	Nhóm 18: Dữ liệu thông tin hủy quyết định hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm (người sử dụng lao động).
19	Nhóm 19: Danh sách người lao động tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề.

- Bảng chú giải định dạng dữ liệu:

STT	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ví dụ
1	string	Chuỗi ký tự; độ dài tối đa ghi sau dấu /. Ví dụ: string/50	"Nguyễn Văn A"
2	int	Số nguyên; độ dài tối đa ghi sau dấu /. Ví dụ: int/3	12
3	float	Số thập phân	3500000.00
4	date	Ngày tháng năm, định dạng YYYY-MM-DD	2026-01-15
5	datetime	Ngày giờ, định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss	2026-01-15T08:30:00
6	boolean	Đúng/Sai	true, false
7	object	Nhóm dữ liệu có cấu trúc (đối tượng)	CongDan { ... }
8	array<object>	Danh sách các đối tượng	[{...}, {...}]

- Bảng chú giải số lượng (bắt buộc/tùy chọn):

Ký hiệu	Ý nghĩa
1	Bắt buộc - trường thông tin phải có giá trị
0..1	Tùy chọn - có thể có hoặc không có giá trị (tối đa 1)
0..n	Tùy chọn - danh sách, có thể rỗng
1..n	Bắt buộc - danh sách, phải có ít nhất 1 phần tử

3. Chi tiết các nhóm dữ liệu được chia sẻ, khai thác

3.1 Nhóm dữ liệu thông tin cơ bản về người lao động

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_nguoilaodong.

- Mô tả: Thông tin định danh và liên lạc cơ bản của người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: nguoilaodong
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/ 2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Thông tin công dân	CongDan	object	1	Thông tin định danh người lao động (chỉ truyền người Việt Nam)
2.1	Số định danh cá nhân	SoDinhDanh	string/12	1	Số CCCD của người lao động (BHXH VN quy định sử dụng số CCCD thay cho mã số BHXH). Khóa nghiệp vụ
2.2	Họ và tên	HoVaTen	string/250	1	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của NLĐ
2.3	Ngày tháng năm sinh	NgayThangNamSinh/NgayThangNam	date	1	Ngày tháng năm sinh của NLĐ. Định dạng

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
					YYYY-MM-DD
2.4	Giới tính	GioiTinh	string/1	0..1	ID giới tính (1: Nam; 2: Nữ; 0: Không xác định) theo QCVN 109:2017/BTTTT
2.5	Số điện thoại	SoDienThoai	string/12	1	Số điện thoại của NLĐ
2.6	Email	Email	string/255	0..1	Thư điện tử của NLĐ
2.7	Nơi thường trú	NoiThuongTru	object	1	Địa chỉ nơi thường trú của NLĐ
2.7.1	Địa chỉ chi tiết	DiaChiChiTiet	string/250	1	Số nhà, tên tổ dân phố, thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc
2.7.2	Mã xã	MaXa	string/5	1	Mã xã/phường/thị trấn theo QĐ 19/2025/QĐ-TTg
2.7.3	Mã tỉnh	MaTinh	string/2	1	Mã tỉnh/thành phố trực thuộc TW theo QĐ 19/2025/QĐ-TTg
2.7.4	Quốc gia	QuocGia	string/2	0..1	Quốc tịch theo QCVN 109:2017/BTTTT
2.8	Nơi ở hiện tại	NoiOHienTai	object	1	Địa chỉ nơi ở hiện tại của NLĐ
2.8.1	Địa chỉ chi tiết	DiaChiChiTiet	string/250	1	Số nhà, tên tổ dân phố, thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc
2.8.2	Mã xã	MaXa	string/5	1	Mã xã/phường/thị trấn theo QĐ 19/2025/QĐ-TTg
2.8.3	Mã tỉnh	MaTinh	string/2	1	Mã tỉnh/thành phố trực thuộc TW theo QĐ 19/2025/QĐ-TTg
2.8.4	Quốc gia	QuocGia	string/2	0..1	Quốc tịch theo QCVN 109:2017/BTTTT
3	Đối tượng ưu tiên	DoiTuongUuTien	string/50	0..1	Mã đối tượng ưu tiên của NLĐ
4	Tên chủ tài khoản	TenChuTaiKhoan	string/250	0..1	Tên chủ tài khoản ngân hàng của NLĐ
5	Số tài khoản	SoTaiKhoan	string/50	0..1	Số tài khoản ngân hàng của NLĐ
6	Tại ngân hàng	TaiNganHang	string/50	0..1	Mã ngân hàng NLĐ đăng ký nhận trợ cấp (theo DM nv039)

3.2 Nhóm dữ liệu thông tin hợp đồng lao động và đơn vị làm việc cuối cùng

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_hopdonglaodong.

- Mô tả: Thông tin về hợp đồng lao động và đơn vị sử dụng lao động cuối cùng trước khi nghỉ việc hưởng BHTN.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: hopdonglaodong
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Thông tin công dân	CongDan	object	1	Thông tin định danh người lao động
2.1	Số định danh cá nhân	SoDinhDanh	string/12	1	Số CCCD của NLĐ. Khóa nghiệp vụ
2.2	Họ và tên	HoVaTen	string/250	1	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của NLĐ

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
2.3	Ngày tháng năm sinh	NgayThangNamSinh/ NgayThangNam	date	0..1	Ngày tháng năm sinh. Định dạng YYYY-MM-DD
2.4	Giới tính	GioiTinh	string/1	0..1	ID giới tính (1: Nam; 2: Nữ; 0: Không xác định)
2.5	Nơi thường trú	NoiThuongTru	object	1	Địa chỉ nơi thường trú của NLĐ (xã, tỉnh, quốc gia)
3	Ngày chấm dứt HĐLĐ	NgayChamDutHDLD	date	1	Ngày/tháng/năm chấm dứt hợp đồng lao động. Định dạng YYYY-MM-DD
4	Tên đơn vị cuối cùng	TenDonViCuoiCung	string/300	1	Tên đơn vị làm việc cuối cùng của NLĐ
5	Địa chỉ đơn vị	DiaChiDonVi	object	1	Địa chỉ đơn vị làm việc cuối cùng (xã, tỉnh, quốc gia)
6	Lý do chấm dứt HĐLĐ	LyDoChamDutHDLD	string/3	1	Lý do chấm dứt hợp đồng lao động/làm việc (theo DM nv066)
7	Loại HĐLĐ/HĐLV	LoaiHDLD	string/1	1	Loại hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc (theo DM nv036)
8	Số tháng đóng BHTN	SoThangDongBHTN	int/3	1	Số tháng đóng BHTN của NLĐ tính đến khi chấm dứt HĐLĐ
9	Nơi đăng ký KCB ban đầu	NoiDangKyKCBBanDau	object	1	Địa điểm đăng ký khám chữa bệnh ban đầu của NLĐ
9.1	Mã đăng ký KCB	MaDangKyKCBHuong	string/50	1	Mã cơ sở y tế đăng ký KCB ban đầu (theo DM nv065)
10	Số hợp đồng lao động	SoHopDongLaoDong	string/50	0..1	Số hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc

3.3 Nhóm dữ liệu thông tin hưởng trợ cấp thất nghiệp

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_huongtctn.

- Mô tả: Thông tin về quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động, bao gồm mức trợ cấp, thời gian hưởng và phương thức chi trả.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: huongtctn
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/ 2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Thông tin công dân	CongDan	object	1	Thông tin định danh người lao động
2.1	Số định danh cá nhân	SoDinhDanh	string/12	1	Số CCCD của NLĐ. Khóa nghiệp vụ
2.2	Họ và tên	HoVaTen	string/250	1	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của NLĐ
2.3	Ngày tháng năm sinh	NgayThangNamSinh/ NgayThangNam	date	0..1	Ngày tháng năm sinh. Định dạng YYYY-MM-DD
3	Số quyết định hưởng	SoQDHuong	string/50	1	Số quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp. Khóa nghiệp vụ
4	Ngày quyết định hưởng	NgayQDHuong	date	1	Ngày ban hành quyết định hưởng TCTN. Định dạng YYYY-MM-DD
5	Đơn vị	MaDonViBHXH	string/50	1	Mã đơn vị BHXH

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
	BHXH cấp QĐ				tỉnh/thành phố cấp quyết định (theo DM nv064)
6	Mức TCTN hàng tháng	MucTCTNHangThang	float	1	Mức trợ cấp thất nghiệp hàng tháng (đồng)
7	Số tháng hưởng TCTN	SoThangHuongTCTN	int/3	1	Số tháng được hưởng trợ cấp thất nghiệp
8	Ngày bắt đầu hưởng	NgayBatDauHuong	date	1	Ngày bắt đầu hưởng TCTN. Định dạng YYYY-MM-DD
9	Ngày kết thúc hưởng	NgayKetThucHuong	date	1	Ngày kết thúc hưởng TCTN. Định dạng YYYY-MM-DD
10	Hình thức nhận TCTN	HinhThucNhanTCTN	string/1	1	Hình thức nhận trợ cấp thất nghiệp (theo DM nv038: 1-Chuyển khoản NH; 2-Tiền mặt)
11	Tên chủ tài khoản	TenChuTaiKhoan	string/250	0..1	Tên chủ tài khoản nhận TCTN (khi hình thức chuyển khoản)
12	Số tài khoản	SoTaiKhoan	string/50	0..1	Số tài khoản ngân hàng nhận TCTN
13	Tại ngân hàng	TaiNganHang	string/50	0..1	Mã ngân hàng nhận TCTN (theo DM nv039)
14	Mã đăng ký KCB hưởng	MaDangKyKCBHuong	string/50	1	Mã cơ sở y tế đăng ký KCB trong thời gian hưởng TCTN (theo DM nv065)
15	Trung tâm DVVL	MaTTDVVL	string/50	1	Mã Trung tâm dịch vụ việc làm quản lý NLĐ hưởng TCTN (theo DM nv067)

3.4 Nhóm dữ liệu thông tin quyết định bảo lưu thời gian đóng báo hiểm thất nghiệp.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_quyetdinhbaoluu.

- Mô tả: Thông tin về quyết định bảo lưu thời gian đóng BHTN cho người lao động chưa đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: quyetdinhbaoluu

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Thông tin công dân	CongDan	object	1	Thông tin định danh người lao động
2.1	Số định danh cá nhân	SoDinhDanh	string/12	1	Số CCCD của NLĐ. Khóa nghiệp vụ
2.2	Họ và tên	HoVaTen	string/250	1	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của NLĐ
2.3	Ngày tháng năm sinh	NgayThangNamSinh/ NgayThangNam	date	0..1	Ngày tháng năm sinh. Định dạng YYYY-MM-DD
3	Số quyết định bảo lưu	SoQDBaoLuu	string/50	1	Số quyết định bảo lưu thời gian đóng BHTN. Khóa nghiệp vụ
4	Ngày quyết định bảo lưu	NgayQDBaoLuu	date	1	Ngày ban hành quyết định bảo lưu. Định dạng YYYY-MM-DD
5	Đơn vị BHXH cấp QĐ	MaDonViBHXH	string/50	1	Mã đơn vị BHXH tỉnh/thành phố cấp quyết định (theo DM nv064)
6	Số tháng đóng BHTN được bảo lưu	SoThangDongBHTNBaoLuu	int/3	1	Số tháng đóng BHTN được bảo lưu
7	Ngày hết hiệu	NgayHetHieuLu	date	0..1	Ngày hết hiệu lực của

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
	lực bảo lưu	cBaoLuu			quyết định bảo lưu. Định dạng YYYY-MM-DD

3.5 Nhóm dữ liệu: thông tin về việc tìm kiếm việc làm

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_thongbaotimviec.

- Mô tả: Thông tin thông báo hàng tháng về tình trạng tìm kiếm việc làm của người lao động đang hưởng TCTN.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: thongbaotimviec
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Thông tin công	CongDan	object	1	Thông tin định danh

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
	dân				người lao động
2.1	Số định danh cá nhân	SoDinhDanh	string/12	1	Số CCCD của NLĐ. Khóa nghiệp vụ
2.2	Họ và tên	HoVaTen	string/250	1	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của NLĐ
3	Số QĐ hưởng TCTN	SoQDHuongTBTKVL	string/50	1	Số quyết định hưởng TCTN liên quan. Khóa nghiệp vụ
4	Ngày thông báo tìm việc	NgayThongBaoTimViec	date	1	Ngày NLĐ thông báo tình trạng tìm việc làm. Định dạng YYYY-MM-DD
5	Tháng thông báo	ThangThongBao	string/7	1	Tháng thông báo tìm việc làm. Định dạng YYYY-MM
6	Trung tâm DVVL	MaTTDVVL	string/50	1	Mã Trung tâm dịch vụ việc làm nhận thông báo (theo DM nv067)
7	Tình trạng việc làm	TinhTrangViecLam	string/2	1	Tình trạng việc làm khi thông báo (theo DM nv037)

3.6 Nhóm dữ liệu: thông tin tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_tamdungtctn

- Mô tả: Thông tin về việc tạm dừng chi trả trợ cấp thất nghiệp cho người lao động.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: tamdungtctn
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
					báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Thông tin công dân	CongDan	object	1	Thông tin định danh người lao động
2.1	Số định danh cá nhân	SoDinhDanh	string/12	1	Số CCCD của NLĐ. Khóa nghiệp vụ
2.2	Họ và tên	HoVaTen	string/250	1	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của NLĐ
3	Số QĐ tạm dừng TCTN	SoQDTamDungTCTN	string/50	1	Số quyết định tạm dừng hưởng TCTN. Khóa nghiệp vụ
4	Ngày QĐ tạm dừng	NgayQDTamDungTCTN	date	1	Ngày ban hành quyết định tạm dừng hưởng TCTN. Định dạng YYYY-MM-DD
5	Đơn vị BHXH	MaDonViBHXH	string/50	1	Mã đơn vị BHXH tỉnh/thành phố ban hành QĐ tạm dừng (theo DM nv064)
6	Lý do tạm dừng	LyDoTamDung	string/2000	1	Lý do tạm dừng hưởng TCTN
7	Ngày bắt đầu tạm dừng	NgayBatDauTamDung	date	1	Ngày bắt đầu tạm dừng hưởng TCTN. Định dạng YYYY-MM-DD
8	Số QĐ hưởng TCTN gốc	SoQDHuong	string/50	1	Số quyết định hưởng TCTN được tạm dừng

3.7 Nhóm dữ liệu: thông tin tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_tieptuctctn.

- Mô tả: Thông tin về việc tiếp tục chi trả trợ cấp thất nghiệp sau khi hết thời gian tạm dừng.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: tieptuctctn
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Thông tin công dân	CongDan	object	1	Thông tin định danh người lao động
2.1	Số định danh cá nhân	SoDinhDanh	string/12	1	Số CCCD của NLĐ. Khóa nghiệp vụ
2.2	Họ và tên	HoVaTen	string/250	1	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của NLĐ
3	Số QĐ tiếp tục hưởng TCTN	SoQDTiepTucTCTN	string/50	1	Số quyết định tiếp tục hưởng TCTN. Khóa nghiệp vụ

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
4	Ngày QĐ tiếp tục	NgayQDTiepTucTCTN	date	1	Ngày ban hành quyết định tiếp tục hưởng TCTN. Định dạng YYYY-MM-DD
5	Đơn vị BHXH	MaDonViBHXH	string/50	1	Mã đơn vị BHXH tỉnh/thành phố ban hành QĐ tiếp tục (theo DM nv064)
6	Ngày tiếp tục hưởng	NgayTiepTucHuong	date	1	Ngày tiếp tục chi trả TCTN. Định dạng YYYY-MM-DD
7	Số QĐ hưởng TCTN gốc	SoQDHuong	string/50	1	Số quyết định hưởng TCTN được tiếp tục

3.8 Nhóm dữ liệu: thông tin chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_chamduttctn.

- Mô tả: Thông tin về việc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động trước hoặc đúng thời hạn.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: chamduttctn
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Thông tin công dân	CongDan	object	1	Thông tin định danh người lao động
2.1	Số định danh cá nhân	SoDinhDanh	string/12	1	Số CCCD của NLĐ. Khóa nghiệp vụ
2.2	Họ và tên	HoVaTen	string/250	1	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của NLĐ
3	Số QĐ chấm dứt TCTN	SoQDChamDutTCTN	string/50	1	Số quyết định chấm dứt hưởng TCTN. Khóa nghiệp vụ
4	Ngày QĐ chấm dứt	NgayQDChamDutTCTN	date	1	Ngày ban hành quyết định chấm dứt hưởng TCTN. Định dạng YYYY-MM-DD
5	Đơn vị BHXH	MaDonViBHXH	string/50	1	Mã đơn vị BHXH tỉnh/thành phố ban hành QĐ chấm dứt (theo DM nv064)
6	Lý do chấm dứt	LyDoChamDutTCTN	string/2000	1	Lý do chấm dứt hưởng TCTN
7	Ngày chấm dứt hưởng	NgayChamDutHuong	date	1	Ngày chấm dứt hưởng TCTN. Định dạng YYYY-MM-DD
8	Số tháng còn lại được bảo lưu	SoThangConLaiBaoLuu	int/3	0..1	Số tháng TCTN còn lại được bảo lưu (nếu có)
9	Số QĐ hưởng TCTN gốc	SoQDHuong	string/50	1	Số quyết định hưởng TCTN được chấm dứt
10	Ngày QĐ hưởng gốc	NgayQDHuong	date	1	Ngày QĐ hưởng TCTN gốc. Định dạng YYYY-MM-DD

3.9 Nhóm dữ liệu: thông tin đề nghị tạm dừng chi trả tctn gửi cơ quan bhxh nơi chuyển đi

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_denghitamdungchitratctn.

- Mô tả: Thông tin đề nghị tạm dừng chi trả trợ cấp thất nghiệp do Trung tâm dịch vụ việc làm gửi đến cơ quan BHXH nơi NLĐ chuyển đi.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: denghitamdungchitratctn
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Thông tin công dân	CongDan	object	1	Thông tin định danh người lao động
2.1	Số định danh cá nhân	SoDinhDanh	string/12	1	Số CCCD của NLĐ. Khóa nghiệp vụ
2.2	Họ và tên	HoVaTen	string/250	1	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của NLĐ
3	Số văn bản đề nghị	SoVanBanDeNghi	string/50	1	Số văn bản đề nghị tạm dừng chi trả TCTN. Khóa nghiệp vụ
4	Ngày đề nghị	NgayDeNghi	date	1	Ngày đề nghị tạm dừng

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
					chi trả TCTN. Định dạng YYYY-MM-DD
5	Trung tâm DVVL đề nghị	MaTTDVVLDeNghi	string/50	1	Mã Trung tâm dịch vụ việc làm gửi đề nghị (theo DM nv067)
6	Đơn vị BHXH nhận đề nghị	MaDonViBHXHNhanDeNghi	string/50	1	Mã đơn vị BHXH nhận đề nghị tạm dừng (theo DM nv064)
7	Số QĐ hưởng TCTN	SoQDHuong	string/50	1	Số quyết định hưởng TCTN được đề nghị tạm dừng
8	Ngày QĐ hưởng	NgayQDHuong	date	1	Ngày QĐ hưởng TCTN. Định dạng YYYY-MM-DD
9	Lý do đề nghị tạm dừng	LyDoDeNghiTamDung	string/2000	1	Lý do đề nghị tạm dừng chi trả TCTN

3.10 Nhóm dữ liệu: thông tin ttdvvl đề nghị tiếp tục chi trả tctn gửi cơ quan bhxh nơi chuyển đến

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_denghitieptucchitratctn.

- Mô tả: Thông tin đề nghị tiếp tục chi trả trợ cấp thất nghiệp do Trung tâm dịch vụ việc làm gửi đến cơ quan BHXH nơi NLĐ chuyển đến.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: denghitieptucchitratctn
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Thông tin công dân	CongDan	object	1	Thông tin định danh người lao động
2.1	Số định danh cá nhân	SoDinhDanh	string/12	1	Số CCCD của NLĐ. Khóa nghiệp vụ
2.2	Họ và tên	HoVaTen	string/250	1	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của NLĐ
3	Số văn bản đề nghị	SoVanBanDeNghi	string/50	1	Số văn bản đề nghị tiếp tục chi trả TCTN. Khóa nghiệp vụ
4	Ngày đề nghị	NgayDeNghi	date	1	Ngày đề nghị tiếp tục chi trả TCTN. Định dạng YYYY-MM-DD
5	Trung tâm DVVL đề nghị	MaTTDVVLDeNghi	string/50	1	Mã Trung tâm dịch vụ việc làm gửi đề nghị (theo DM nv067)
6	Đơn vị BHXH nhận đề nghị	MaDonViBHXHNhanDeNghi	string/50	1	Mã đơn vị BHXH nhận đề nghị tiếp tục (theo DM nv064)
7	Số QĐ hưởng TCTN	SoQDHuong	string/50	1	Số quyết định hưởng TCTN được đề nghị tiếp tục
8	Ngày QĐ hưởng	NgayQDHuong	date	1	Ngày QĐ hưởng TCTN. Định dạng YYYY-MM-DD
9	Mã đăng ký KCB chuyển đến	MaDangKyKCBChuyenDen	string/50	0..1	Mã cơ sở y tế đăng ký KCB tại nơi chuyển đến (theo DM nv065)

3.11 Nhóm dữ liệu: thông tin hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (người lao động)

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_hotrodaotaoboiduongnld.

- Mô tả: Thông tin về quyết định hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động đang hưởng TCTN.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: hotrodaotaoboiduongnld
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Thông tin công dân	CongDan	object	1	Thông tin định danh người lao động
2.1	Số định danh cá nhân	SoDinhDanh	string/12	1	Số CCCD của NLĐ. Khóa nghiệp vụ
2.2	Họ và tên	HoVaTen	string/250	1	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của NLĐ
3	Số QĐ hỗ trợ ĐT NLĐ	SoQDHoTroDTNLD	string/50	1	Số quyết định hỗ trợ đào tạo NLĐ. Khóa nghiệp vụ

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
4	Ngày QĐ hỗ trợ ĐT NLĐ	NgayQDHoTroDTNLD	date	1	Ngày ban hành quyết định hỗ trợ đào tạo NLĐ. Định dạng YYYY-MM-DD
5	Nơi cấp QĐ	NoiCapQDHuong	string/50	1	Mã đơn vị BHXH cấp quyết định hỗ trợ đào tạo (theo DM nv064)
6	Tên ngành nghề ĐT	TenNgheNLD	string/200	1	Tên ngành nghề đào tạo của NLĐ
7	Mã ngành nghề ĐT	MaNgheNLD	string/20	0..1	Mã ngành nghề đào tạo (20 ký tự)
8	Thời gian đào tạo (tháng)	ThoiGianDaoTao	int	1	Thời gian đào tạo tính theo tháng
9	Mức hỗ trợ ĐT	MucHoTroDaoTao	float	1	Mức kinh phí hỗ trợ đào tạo (đồng)
10	Tên cơ sở đào tạo	TenCoSoDaoTao	string/200	1	Tên cơ sở đào tạo NLĐ
11	Mã cơ sở đào tạo	MaCoSoDaoTao	string/20	0..1	Mã cơ sở đào tạo (20 ký tự)

3.12 Nhóm dữ liệu: thông tin hủy quyết định hỗ trợ đào tạo (người lao động)

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_huyqdhotrodaotaonld.

- Mô tả: Thông tin về việc hủy quyết định hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: huyqdhotrodaotaonld
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Thông tin công dân	CongDan	object	1	Thông tin định danh người lao động
2.1	Số định danh cá nhân	SoDinhDanh	string/12	1	Số CCCD của NLĐ. Khóa nghiệp vụ
2.2	Họ và tên	HoVaTen	string/250	1	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của NLĐ
3	Số QĐ hủy hỗ trợ ĐT NLĐ	SoQDHuyHoTroDTNLD	string/50	1	Số quyết định hủy hỗ trợ đào tạo NLĐ. Khóa nghiệp vụ
4	Ngày QĐ hủy hỗ trợ ĐT	NgayQDHuyHoTroDTNLD	date	1	Ngày ban hành quyết định hủy hỗ trợ đào tạo. Định dạng YYYY-MM-DD
5	Lý do hủy	LyDoHuy	string/2000	1	Lý do hủy quyết định hỗ trợ đào tạo NLĐ
6	Số QĐ hỗ trợ ĐT gốc	SoQDHoTroDTNLDGoc	string/50	1	Số quyết định hỗ trợ đào tạo gốc bị hủy

3.13 Nhóm dữ liệu: thông tin hủy quyết định trợ cấp thất nghiệp (người lao động)

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_huyqdtctnnld.

- Mô tả: Thông tin về việc hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
					TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: huyqdtctnnld
B	TrangThaiDuLieu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/LyDoCapNhat	string/2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Thông tin công dân	CongDan	object	1	Thông tin định danh người lao động
2.1	Số định danh cá nhân	SoDinhDanh	string/12	1	Số CCCD của NLĐ. Khóa nghiệp vụ
2.2	Họ và tên	HoVaTen	string/250	1	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của NLĐ
3	Số QĐ hủy TCTN	SoQDHuyTCTN	string/50	1	Số quyết định hủy hưởng TCTN. Khóa nghiệp vụ
4	Ngày QĐ hủy	NgayQDHuyTCTN	date	1	Ngày ban hành quyết

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
	TCTN				định hủy hưởng TCTN. Định dạng YYYY-MM-DD
5	Lý do hủy	LyDoHuy	string/2000	1	Lý do hủy quyết định hưởng TCTN
6	Số QĐ hưởng TCTN gốc	SoQDHuong	string/50	1	Số quyết định hưởng TCTN bị hủy
7	Ngày QĐ hưởng gốc	NgayQDHuong	date	1	Ngày QĐ hưởng TCTN gốc bị hủy. Định dạng YYYY-MM-DD

3.14 Nhóm dữ liệu: thông tin thu hồi tiền hỗ trợ đào tạo (người lao động)

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_thutienhotrodaotaonld.

- Mô tả: Thông tin về việc thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo đã cấp cho người lao động.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: thutienhotrodaotaonld
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Thông tin công dân	CongDan	object	1	Thông tin định danh người lao động
2.1	Số định danh cá nhân	SoDinhDanh	string/12	1	Số CCCD của NLĐ. Khóa nghiệp vụ
2.2	Họ và tên	HoVaTen	string/250	1	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của NLĐ
3	Số QĐ thu hồi hỗ trợ ĐT	SoQDThuHoiHoTroDT	string/50	1	Số quyết định thu hồi tiền hỗ trợ đào tạo. Khóa nghiệp vụ
4	Ngày QĐ thu hồi	NgayQDThuHoiHoTroDT	date	1	Ngày ban hành quyết định thu hồi. Định dạng YYYY-MM-DD
5	Số tiền thu hồi	SoTienThuHoi	float	1	Số tiền thu hồi hỗ trợ đào tạo (đồng)
6	Lý do thu hồi	LyDoThuHoi	string/2000	1	Lý do thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo
7	Số QĐ hỗ trợ ĐT gốc	SoQDHoTroDTGoc	string/50	1	Số quyết định hỗ trợ đào tạo gốc bị thu hồi
8	Thời hạn hoàn trả	ThoiGianHoanTra	date	0..1	Thời hạn NLĐ phải hoàn trả số tiền thu hồi. Định dạng YYYY-MM-DD

3.15 Nhóm dữ liệu: thông tin thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp (người lao động)

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_thutientctnnld.

- Mô tả: Thông tin về việc thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp đã chi trả cho người lao động.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: thutientctnnld
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Thông tin công dân	CongDan	object	1	Thông tin định danh người lao động
2.1	Số định danh cá nhân	SoDinhDanh	string/12	1	Số CCCD của NLĐ. Khóa nghiệp vụ
2.2	Họ và tên	HoVaTen	string/250	1	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của NLĐ
3	Số QĐ thu hồi TCTN	SoQDThuHoiTCTN	string/50	1	Số quyết định thu hồi tiền TCTN. Khóa nghiệp vụ
4	Ngày QĐ thu hồi	NgayQDThuHoiTCTN	date	1	Ngày ban hành quyết định thu hồi TCTN. Định dạng YYYY-MM-DD

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
5	Số tiền thu hồi	SoTienThuHoi	float	1	Số tiền TCTN thu hồi (đồng)
6	Lý do thu hồi	LyDoThuHoi	string/2000	1	Lý do thu hồi TCTN
7	Số QĐ hưởng TCTN gốc	SoQDHuong	string/50	1	Số quyết định hưởng TCTN bị thu hồi
8	Thời hạn hoàn trả	ThoiGianHoanTra	date	0..1	Thời hạn NLĐ phải hoàn trả số tiền thu hồi. Định dạng YYYY-MM-DD

3.16 Nhóm dữ liệu: thông tin hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_hotrodaotaoboiduongnsdld.

- Mô tả: Thông tin về quyết định hỗ trợ người sử dụng lao động trong việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề nhằm duy trì việc làm cho người lao động.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: hotrodaotaoboiduongnsdld
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Số QĐ hỗ trợ ĐT NSDLĐ	SoQDHoTroDTNSDLD	string/50	1	Số quyết định hỗ trợ đào tạo người sử dụng lao động. Khóa nghiệp vụ
3	Ngày QĐ hỗ trợ ĐT NSDLĐ	NgayQDHoTroDTNSDLD	date	1	Ngày ban hành quyết định hỗ trợ đào tạo NSDLĐ. Định dạng YYYY-MM-DD
4	Tên đơn vị sử dụng lao động	TenDonViSuDungLaoDong	string/300	1	Tên doanh nghiệp/cơ sở được hỗ trợ đào tạo
5	Mã số thuế NSDLĐ	MaSoThueNSDLD	string/20	1	Mã số thuế của người sử dụng lao động
6	Tên ngành nghề ĐT	TenNgheHoTro	string/200	1	Tên ngành nghề được hỗ trợ đào tạo
7	Số lao động được ĐT	SoLaoDongDuocDaoTao	int	1	Số người lao động được đào tạo trong kế hoạch
8	Kinh phí hỗ trợ	KinhPhiHoTro	float	1	Tổng kinh phí hỗ trợ đào tạo (đồng)
9	Thời gian đào tạo (tháng)	ThoiGianDaoTao	int	1	Thời gian đào tạo tính theo tháng
10	Đơn vị BHXH cấp QĐ	MaDonViBHXH	string/50	1	Mã đơn vị BHXH cấp quyết định hỗ trợ (theo DM nv064)

3.17 Nhóm dữ liệu: thông tin về thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm (người sử dụng lao động)

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_thuhoikinhphihotrodaotaoboiduongnld.

- Mô tả: Thông tin về việc thu hồi kinh phí đã hỗ trợ người sử dụng lao động để đào tạo duy trì việc làm.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ	Số	Mô tả

			liệu	lượng	
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: thuhoikinhphihotrodaotaoboiduongnld
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Số QĐ thu hồi KP NSDLĐ	SoQDThuHoiKPNSDLD	string/50	1	Số quyết định thu hồi kinh phí NSDLĐ. Khóa nghiệp vụ
3	Ngày QĐ thu hồi KP	NgayQDThuHoiKPNSDLD	date	1	Ngày ban hành quyết định thu hồi kinh phí. Định dạng YYYY-MM-DD
4	Tên đơn vị sử	TenDonViSuDungL	string/300	1	Tên doanh nghiệp/cơ

	dụng lao động	aoDong			sở bị thu hồi kinh phí
5	Mã số thuế NSDLĐ	MaSoThueNSDLD	string/20	1	Mã số thuế của người sử dụng lao động
6	Số tiền thu hồi	SoTienThuHoi	float	1	Số tiền kinh phí thu hồi (đồng)
7	Lý do thu hồi	LyDoThuHoi	string/2000	1	Lý do thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo
8	Số QĐ hỗ trợ ĐT gốc	SoQDHoTroDTGoc	string/50	1	Số quyết định hỗ trợ đào tạo NSDLĐ bị thu hồi
9	Thời hạn hoàn trả	ThoiGianHoanTra	date	0..1	Thời hạn NSDLĐ phải hoàn trả kinh phí. Định dạng YYYY-MM-DD

3.18 Nhóm dữ liệu: thông tin về hủy quyết định hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm (người sử dụng lao động)

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_huyqdhotrodaotaoboiduongnld.

- Mô tả: Thông tin về việc hủy quyết định hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động (người sử dụng lao động).

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ liệu	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: huyqdhotrodaotaoboiduongnld
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Số QĐ hủy hỗ trợ ĐT NSDLĐ	SoQDHuyHoTroDTNSDLD	string/50	1	Số quyết định hủy hỗ trợ đào tạo NSDLĐ. Khóa nghiệp vụ
3	Ngày QĐ hủy hỗ trợ ĐT	NgayQDHuyHoTroDTNSDLD	date	1	Ngày ban hành quyết định hủy hỗ trợ đào tạo NSDLĐ. Định dạng YYYY-MM-DD
4	Tên đơn vị sử dụng lao động	TenDonViSuDungLaoDong	string/300	1	Tên doanh nghiệp/cơ sở bị hủy hỗ trợ đào tạo
5	Mã số thuế NSDLĐ	MaSoThueNSDLD	string/20	1	Mã số thuế của người sử dụng lao động
6	Lý do hủy	LyDoHuy	string/2000	1	Lý do hủy quyết định hỗ trợ đào tạo NSDLĐ
7	Số QĐ hỗ trợ ĐT gốc	SoQDHoTroDTGoc	string/50	1	Số quyết định hỗ trợ đào tạo NSDLĐ bị hủy

3.19 Nhóm dữ liệu: danh sách người lao động tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_dsnldthamgiadaotaoboiduong.

- Mô tả: Danh sách người lao động tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề theo quyết định hỗ trợ đào tạo của người sử dụng lao động.

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
A	Nguồn dữ liệu	NguonDuLieu	object	1	Chứa thông tin xác định nguồn dữ liệu
1	Mã nguồn dữ	IdNguonDuLieu	string/10	1	Mã nguồn dữ liệu do

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
	liệu				TTDLQG quy ước. Đối với Bộ Nội vụ: G09
2	Mã loại dữ liệu	MaLoaiDuLieu	string/100	1	Mã loại dữ liệu do TTDLQG quy ước. Mã quy ước: dsnldthamgiadaotaoboiduong
B	Trạng thái dữ liệu	TrangThaiDuLieu	object	1	Chứa thông tin trạng thái dữ liệu
1	Sự kiện	SuKien	string/10	1	Mã sự kiện: NEW (Thêm mới), UPDATE (Cập nhật), CANCEL (Hủy mềm)
2	Loại sự kiện	LoaiSuKien	string/2	1	1: Chỉ xử lý dữ liệu; 2: Đồng thời gửi thông báo và xử lý dữ liệu
3	Lý do cập nhật	MoTa/ LyDoCapNhat	string/ 2000	0..1	Lý do cập nhật (chỉ dùng khi UPDATE/CANCEL)
4	Phiên bản	PhienBan	int/10	1	Số phiên bản, tăng dần khi gửi dữ liệu
5	Ngày hiệu lực	NgayHieuLuc	date	1	Ngày có hiệu lực của bản ghi. Định dạng YYYY-MM-DD
6	Thời gian cập nhật	ThoiGianCapNhat	datetime	1	Thời gian cập nhật. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
C	Dữ liệu tiếp nhận	DuLieuTiepNhan	object	1	Dữ liệu tiếp nhận (nội dung nghiệp vụ)
1	Mã bản ghi	IdBanGhi	string/150	1	ID bản ghi là duy nhất, dùng làm khóa chính cho quá trình xử lý dữ liệu tại TTDLQG
2	Số QĐ hỗ trợ ĐT NSDLĐ	SoQDHoTroDTNSDLD	string/50	1	Số quyết định hỗ trợ đào tạo NSDLĐ liên quan. Khóa nghiệp vụ
3	Danh sách NLĐ tham gia ĐT	DanhSachNLD	array<object>	1..n	Danh sách người lao động tham gia đào tạo
3.1	Số định danh cá nhân	SoDinhDanh	string/12	1	Số CCCD của NLĐ tham gia đào tạo
3.2	Họ và tên	HoVaTen	string/250	1	Họ, chữ đệm và tên

STT	Tên trường	Thuộc tính XML	Kiểu dữ liệu	Số lượng	Mô tả
					khai sinh của NLĐ tham gia đào tạo
3.3	Ngày tháng năm sinh	NgayThangNamSinh/NgayThangNam	date	0..1	Ngày tháng năm sinh của NLĐ. Định dạng YYYY-MM-DD
3.4	Ngành nghề đào tạo	TenNgheHoTro	string/200	1	Tên ngành nghề NLĐ được đào tạo
3.5	Thời gian ĐT (tháng)	ThoiGianDaoTao	int	1	Thời gian đào tạo của NLĐ này (tháng)
3.6	Kinh phí hỗ trợ cá nhân	KinhPhiHoTroCaNhan	float	0..1	Kinh phí hỗ trợ đào tạo cho riêng NLĐ này (đồng)

3.20 Nhóm dữ liệu danh mục dùng chung

Các danh mục dùng chung được chia sẻ, cập nhật định kỳ hoặc khi có thay đổi từ Bộ Nội vụ về Trung tâm Dữ liệu Quốc gia. Mã service-code của danh mục dùng chung có dạng: data_dmdc_g09_<mã danh mục>.

STT	Mã danh mục	Tên danh mục	Mã service-code	Mô tả
1	nv036	Danh mục Loại hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc	data_dmdc_g09_nv036	Danh mục loại hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc của người lao động
2	nv037	Danh mục Tình trạng việc làm	data_dmdc_g09_nv037	Danh mục tình trạng việc làm của người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp
3	nv038	Danh mục Hình thức nhận trợ cấp	data_dmdc_g09_nv038	Danh mục hình thức nhận tiền trợ cấp thất nghiệp (chuyển khoản ngân hàng hoặc tiền mặt)
4	nv039	Danh mục Ngân hàng người lao động đăng ký với CQBH	data_dmdc_g09_nv039	Danh mục các ngân hàng mà người lao động đăng ký nhận trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản
5	nv064	Danh mục Đơn vị BHXH tỉnh/thành phố	data_dmdc_g09_nv064	Danh mục cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
6	nv065	Danh mục Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu	data_dmdc_g09_nv065	Danh mục cơ sở y tế được đăng ký khám chữa bệnh ban đầu trong thời gian hưởng TCTN

STT	Mã danh mục	Tên danh mục	Mã service-code	Mô tả
7	nv066	Danh mục Lý do chấm dứt hợp đồng lao động	data_dmdc_g09_nv066	Danh mục các lý do chấm dứt hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc theo quy định pháp luật
8	nv067	Danh mục Trung tâm dịch vụ việc làm	data_dmdc_g09_nv067	Danh mục các Trung tâm dịch vụ việc làm trong cả nước quản lý người lao động hưởng TCTN

Mỗi danh mục dùng chung bao gồm các trường: Mã (Ma), Tên (Ten), Mô tả (MoTa), Trạng thái hiệu lực (TrangThaiHieuLuc). Nội dung chi tiết giá trị từng danh mục được cung cấp kèm tài liệu đặc tả kỹ thuật API do Cục Việc làm - Bộ Nội vụ ban hành.

4. Đặc tả dịch vụ api chia sẻ dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP)

Tài liệu này mô tả đặc tả kỹ thuật các dịch vụ API do Cục Việc làm - Bộ Nội vụ cung cấp, cho phép các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khai thác, chia sẻ dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP) và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP). Các API được xây dựng theo chuẩn RESTful, giao tiếp qua giao thức HTTPS, dữ liệu trả về định dạng JSON.

4.1 Danh sách các dịch vụ API

4.1.1 Dịch vụ xác thực

STT	Tên dịch vụ	Mã dịch vụ	Mô tả
1	Dịch vụ lấy Token	bhtn_token	Khởi tạo token xác thực để thực hiện phiên làm việc với các dịch vụ chia sẻ dữ liệu BHTN. Token được đính kèm trong tiêu đề Authorization của tất cả các dịch vụ dữ liệu.

4.1.2 Dịch vụ chia sẻ dữ liệu (19 nhóm)

STT	Tên dịch vụ	Mã dịch vụ	Đường dẫn API
1	Chia sẻ dữ liệu thông tin cơ bản về người lao động	bhtn_nguoilaodong_01	/api/bhtn/v1/nguoilaodong
2	Chia sẻ dữ liệu thông tin hợp đồng lao động và đơn vị làm việc cuối cùng	bhtn_hopdonglaodong_01	/api/bhtn/v1/hopdonglaodong
3	Chia sẻ dữ liệu thông tin hưởng trợ cấp thất nghiệp	bhtn_huongtctn_01	/api/bhtn/v1/huongtctn
4	Chia sẻ dữ liệu thông tin quyết định bảo	bhtn_quyetdinhbaoluu_01	/api/bhtn/v1/quyetdinhbaoluu

STT	Tên dịch vụ	Mã dịch vụ	Đường dẫn API
	lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp		
5	Chia sẻ dữ liệu thông tin về việc tìm kiếm việc làm	bhtn_thongbaotimviec_01	/api/bhtn/v1/thongbaotimviec
6	Chia sẻ dữ liệu thông tin tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	bhtn_tamdungtctn_01	/api/bhtn/v1/tamdungtctn
7	Chia sẻ dữ liệu thông tin tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	bhtn_tieptuctctn_01	/api/bhtn/v1/tieptuctctn
8	Chia sẻ dữ liệu thông tin chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	bhtn_chamduttctn_01	/api/bhtn/v1/chamduttctn
9	Chia sẻ dữ liệu thông tin đề nghị tạm dừng chi trả TCTN gửi cơ quan BHXH nơi chuyển đi	bhtn_denghitamdungchitratctn_01	/api/bhtn/v1/ denghitamdungchitratctn
10	Chia sẻ dữ liệu thông tin TTDVVL đề nghị tiếp tục chi trả TCTN gửi cơ quan BHXH nơi chuyển đến	bhtn_denghitieptucchitratctn_01	/api/bhtn/v1/ denghitieptucchitratctn
11	Chia sẻ dữ liệu thông tin hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (người lao động)	bhtn_hotrodaotaoboiduongnld_01	/api/bhtn/v1/ hotrodaotaoboiduongnld
12	Chia sẻ dữ liệu thông tin hủy quyết định hỗ trợ đào tạo (người lao động)	bhtn_huyqdhotrodaotaonld_01	/api/bhtn/v1/ huyqdhotrodaotaonld
13	Chia sẻ dữ liệu thông tin hủy quyết định trợ cấp thất nghiệp (người lao động)	bhtn_huyqdtctnnld_01	/api/bhtn/v1/huyqdtctnnld
14	Chia sẻ dữ liệu thông tin thu hồi tiền hỗ trợ đào tạo (người lao động)	bhtn_thutienhotrodaotaonld_01	/api/bhtn/v1/ thutienhotrodaotaonld
15	Chia sẻ dữ liệu thông tin thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp (người lao động)	bhtn_thutientctnnld_01	/api/bhtn/v1/thutientctnnld
16	Chia sẻ dữ liệu thông tin hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng	bhtn_hotrodaotaoboiduongnsdld_01	/api/bhtn/v1/ hotrodaotaoboiduongnsdld

STT	Tên dịch vụ	Mã dịch vụ	Đường dẫn API
	cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm		
17	Chia sẻ dữ liệu thông tin về thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm (người sử dụng lao động)	bhtn_thuhoikinhphihotrodaotaoboiduongnld_01	/api/bhtn/v1/ thuhoikinhphihotrodaotaoboiduongnld
18	Chia sẻ dữ liệu thông tin về hủy Quyết định hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm (người sử dụng lao động)	bhtn_huyqdhotrodaotaoboiduongnld_01	/api/bhtn/v1/ huyqdhotrodaotaoboiduongnld
19	Chia sẻ dữ liệu danh sách người lao động tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề	bhtn_dsnldthamgiadaotaoboiduong_01	/api/bhtn/v1/ dsnldthamgiadaotaoboiduong

4.2 Xác thực và phân quyền

Tất cả các API chia sẻ dữ liệu BHTN sử dụng cơ chế xác thực OAuth 2.0 theo phương thức Client Credentials. Mỗi cơ quan khai thác dữ liệu được Cục Việc làm - Bộ Nội vụ cấp một cặp khóa (consumer-key và consumer-secret) thông qua LGSP. Token có hiệu lực trong vòng 3600 giây (1 giờ).

4.2.1 Dịch vụ lấy Token (bhtn_token)

Mục đích: Dịch vụ tạo token xác thực để thực hiện phiên làm việc. Token được đính kèm trong tiêu đề Authorization của tất cả các dịch vụ chia sẻ dữ liệu BHTN tại mục 4.1.2.

- Đặc tả đầu vào:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	grant_type	string	x	Nhận giá trị cố định: client_credentials

- Đặc tả đầu ra:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	access_token	string	Chuỗi token được cấp, sử dụng trong header Authorization của các API chia sẻ dữ liệu
2	token_type	string	Loại token. Giá trị: Bearer
3	expires_in	int	Thời gian hiệu lực của token (giây). Mặc định: 3600
4	scope	string	Phạm vi quyền truy cập được cấp

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/token
Method	POST
Content-Type	application/x-www-form-urlencoded
Authorization	Basic Base64(consumer-key:consumer-secret) (Cặp khóa consumer-key và consumer-secret do Cục Việc làm - Bộ Nội vụ cấp qua LGSP)
Request Body	grant_type=client_credentials
Response Body (Thành công)	{ "access_token": "a1b2c3d4-e5f6-7890-abcd-ef1234567890", "token_type": "Bearer", "expires_in": 3600, "scope": "bhtn_data_read" }
Response Body (Không thành công)	{ "code": 401, "message": "Thông tin xác thực không hợp lệ" }

4.3 Đặc tả chung các API chia sẻ dữ liệu

Tất cả 19 API chia sẻ dữ liệu có cùng cấu trúc tham số đầu vào và định dạng đầu ra như mô tả tại mục này. Cấu trúc chi tiết từng trường dữ liệu trong mảng content được quy định tại Phụ lục 1 tương ứng với từng nhóm dữ liệu.

4.3.1 Tham số đầu vào chung (Query Parameters)

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

4.3.2 Cấu trúc Header yêu cầu

Tên header	Giá trị
Authorization	Bearer {access_token} — token lấy từ dịch vụ bhtn_token
Content-Type	application/json; charset=utf-8
request-id	Mã yêu cầu do hệ thống của cơ quan khai thác tự sinh, là duy nhất trên hệ thống
request-time	Thời gian yêu cầu, định dạng ddMMyyyyHHmmss. Lệch quá 5 phút so với thời gian hệ thống sẽ bị từ chối

4.3.3 Cấu trúc đầu ra chung (Response)

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	code	int	x	Mã kết quả: 200 - Thành công; 400 - Tham số không hợp lệ; 401 - Chưa xác thực; 403 - Không có quyền; 500 - Lỗi hệ thống
2	message	string	x	Mô tả kết quả hoặc nội dung lỗi
3	responseTime	datetime	x	Thời gian phản hồi. Định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ss
4	data	object		Đối tượng chứa dữ liệu kết quả (null khi lỗi)
4.1	content	array<object>		Danh sách bản ghi theo cấu trúc dữ liệu của từng nhóm (xem Phụ lục 1)
4.2	pageNumber	int	x	Trang hiện tại (bắt đầu từ 0)
4.3	pageSize	int	x	Số bản ghi mỗi trang
4.4	totalElements	int	x	Tổng số bản ghi thỏa điều kiện
4.5	totalPages	int	x	Tổng số trang

4.3.4 Ví dụ Response thành công

Ví dụ dưới đây minh họa cấu trúc response chung cho tất cả các API chia sẻ dữ liệu. Trường content chứa danh sách bản ghi theo cấu trúc của từng nhóm (chi tiết tại Phụ lục 1).

Thành công	{ "code": 200, "message": "Thành công!", "responseTime": "2026-10-01T08:30:00", "data": { "content": [{ "NguonDuLieu": { "IdNguonDuLieu": "G09", "MaLoaiDuLieu": "..." }, "TrangThaiDuLieu": { "SuKien": "NEW", "NgayHieuLuc": "2026-09-01", ... }, "DuLieuTiepNhan": { "IdBanGhi": "...", ... } }], "pageNumber": 0, "pageSize": 20, "totalElements": 152, "totalPages": 8 } }
Không thành công	{ "code": 400, "message": "Tham số tuNgay không hợp lệ. Định dạng yêu cầu: YYYY-MM-DD", "responseTime": "2026-10-01T08:30:00" }

4.4 Chi tiết từng dịch vụ api chia sẻ dữ liệu

Các API dưới đây được truy cập qua LGSP cấp Bộ (Bộ Nội vụ) hoặc NGSP. Với trục LGSP cấp Bộ và NGSP, cấu trúc bản tin và tham số truy vấn hoàn toàn tương tự; đơn vị khai thác chỉ cần thay địa chỉ kết nối và cách lấy token theo hướng dẫn của từng nền tảng.

4.4.1 Chia sẻ dữ liệu thông tin cơ bản về người lao động (bhtn_nguoilaodong_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin cơ bản về người lao động từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin định danh và liên lạc cơ bản của người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_nguoilaodong.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/nguoilaodong
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 1: Thông tin cơ bản về người lao động (data-type: bhtn_g09_nguoilaodong)

4.4.2. Chia sẻ dữ liệu thông tin hợp đồng lao động và đơn vị làm việc cuối cùng (bhtn_hopdonglaodong_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin hợp đồng lao động và đơn vị làm việc cuối cùng từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin về hợp đồng lao động và đơn vị sử dụng lao động cuối cùng trước khi nghỉ việc hưởng BHTN.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_hopdonglaodong.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/hopdonglaodong
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 – Nhóm 2: Thông tin hợp đồng lao động và đơn vị làm việc cuối cùng (data-type: bhtn_g09_hopdonglaodong)

4.4.3 Chia sẻ dữ liệu thông tin hưởng trợ cấp thất nghiệp (bhtn_huongtctn_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin hưởng trợ cấp thất nghiệp từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin về quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động, bao gồm mức trợ cấp, thời gian hưởng và phương thức chi trả.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_huongtctn

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/huongtctn
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 3: Thông tin hưởng trợ cấp thất nghiệp (data-type: bhtn_g09_huongtctn)

4.4.4 Chia sẻ dữ liệu thông tin quyết định bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp (bhtn_quyetdinhbaoluu_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin quyết định bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin về quyết định bảo lưu thời gian đóng BHTN cho người lao động chưa đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_quyetdinhbaoluu.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/quyetdinhbaoluu
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 4: Thông tin quyết định bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp (data-type: bhtn_g09_quyetdinhbaoluu)

4.4.5 Chia sẻ dữ liệu thông tin về việc tìm kiếm việc làm (bhtn_thongbaotimviec_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin về việc tìm kiếm việc làm từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin thông báo hàng tháng về tình trạng tìm kiếm việc làm của người lao động đang hưởng TCTN.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_thongbaotimviec.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL.

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/thongbaotimviec
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 5: Thông tin về việc tìm kiếm việc làm (data-type: bhtn_g09_thongbaotimviec)

4.4.6 Chia sẻ dữ liệu thông tin tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp (bhtn_tamdungtctn_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin về việc tạm dừng chi trả trợ cấp thất nghiệp cho người lao động.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_tamdungtctn.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/tamdungtctn
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)

Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 6: Thông tin tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp (data-type: bhtn_g09_tamdungtctn)

4.4.7 Chia sẻ dữ liệu thông tin tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp (bhtn_tieptuctctn_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin về việc tiếp tục chi trả trợ cấp thất nghiệp sau khi hết thời gian tạm dừng.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_tieptuctctn.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/tieptuctctn
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 7: Thông tin tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp (data-type: bhtn_g09_tieptuctctn)

4.4.8 Chia sẻ dữ liệu thông tin chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp (bhtn_chamduttctn_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin về việc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động trước hoặc đúng thời hạn.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_chamduttctn.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/chamduttctn
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 8: Thông tin chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp (data-type: bhtn_g09_chamduttctn)

4.4.9 Chia sẻ dữ liệu thông tin đề nghị tạm dừng chi trả TCTN gửi cơ quan BHXH nơi chuyển đi (bhtn_denghitamdungchitratctn_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin đề nghị tạm dừng chi trả TCTN gửi cơ quan BHXH nơi chuyển đi từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin đề nghị tạm dừng chi trả trợ cấp thất nghiệp do Trung tâm dịch vụ việc làm gửi đến cơ quan BHXH nơi NLĐ chuyển đi.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_denghitamdungchitratctn.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/denghitamdungchitratctn

Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 9: Thông tin đề nghị tạm dừng chi trả TCTN gửi cơ quan BHXH nơi chuyển đi (data-type: bhtn_g09_denghitamdungchitratctn)

4.4.10 Chia sẻ dữ liệu thông tin TTDVVL đề nghị tiếp tục chi trả TCTN gửi cơ quan BHXH nơi chuyển đến (bhtn_denghitieptucchitratctn_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin TTDVVL đề nghị tiếp tục chi trả TCTN gửi cơ quan BHXH nơi chuyển đến từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin đề nghị tiếp tục chi trả trợ cấp thất nghiệp do Trung tâm dịch vụ việc làm gửi đến cơ quan BHXH nơi NLĐ chuyển đến.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_denghitieptucchitratctn.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/denghitieptucchitratctn
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 10: Thông tin TTDVVL đề nghị tiếp tục chi trả TCTN gửi cơ quan BHXH nơi chuyển đến (data-type: bhtn_g09_denghitieptucchitratctn)

4.4.11 Chia sẻ dữ liệu thông tin hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (người lao động) (bhtn_hotrodaotaoboiduongnld_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (người lao động) từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin về quyết định hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động đang hưởng TCTN.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_hotrodaotaoboiduongnld.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/ hotrodaotaoboiduongnld
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 11: Thông tin hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (người lao động) (data-type: bhtn_g09_hotrodaotaoboiduongnld)

4.4.12 Chia sẻ dữ liệu thông tin hủy quyết định hỗ trợ đào tạo (người lao động) (bhtn_huyqdhotrodaotaonld_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin hủy quyết định hỗ trợ đào tạo (người lao động) từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin về việc hủy quyết định hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_huyqdhotrodaotaonld.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/huyqdhotrodaotaonld
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 12: Thông tin hủy quyết định hỗ trợ đào tạo (người lao động) (data-type: bhtn_g09_huyqdhotrodaotaonld)

4.4.13 Chia sẻ dữ liệu thông tin hủy quyết định trợ cấp thất nghiệp (người lao động) (bhtn_huyqdtctnnld_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin hủy quyết định trợ cấp thất nghiệp (người lao động) từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin về việc hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_huyqdtctnnld.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/huyqdtctnnld
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 13: Thông tin hủy quyết định trợ cấp thất nghiệp (người lao động) (data-type: bhtn_g09_huyqdtctnnld)

4.4.14 Chia sẻ dữ liệu thông tin thu hồi tiền hỗ trợ đào tạo (người lao động) (bhtn_thutienhotrodaotaonld_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin thu hồi tiền hỗ trợ đào tạo (người lao động) từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin về việc thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo đã cấp cho người lao động.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_thutienhotrodaotaonld.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/ thutienhotrodaotaonld
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 14: Thông tin thu hồi tiền hỗ trợ đào tạo (người lao động) (data-type: bhtn_g09_thutienhotrodaotaonld)

4.4.15 Chia sẻ dữ liệu thông tin thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp (người lao động) (bhtn_thutientctnnld_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp (người lao động) từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin về việc thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp đã chi trả cho người lao động.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_thutientctnnld.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/thutientctnnld
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 15: Thông tin thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp (người lao động) (data-type: bhtn_g09_thutientctnnld)

4.4.16 Chia sẻ dữ liệu thông tin hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm (bhtn_hotrodaotaoboiduongnsdld_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin về quyết định hỗ trợ người sử dụng lao động trong việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề nhằm duy trì việc làm cho người lao động.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_hotrodaotaoboiduongnsdld.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/hotrodaotaoboiduongnsdld
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 16: Thông tin hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm (data-type: bhtn_g09_hotrodaotaoboiduongnsdld)

4.4.17 Chia sẻ dữ liệu thông tin về thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm (người sử dụng lao động) (bhtn_thuhoikinhphihotrodaotaoboiduongnld_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin về thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm (người sử dụng lao động) từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin về việc thu hồi kinh phí đã hỗ trợ người sử dụng lao động để đào tạo duy trì việc làm.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_thuhoikinhphihotrodaotaoboiduongnld.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định:

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/thuhoikinhphihotrodaotaoboiduongnld
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 17: Thông tin về thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm (người sử dụng lao động) (data-type: bhtn_g09_thuhoikinhphihotrodaotaoboiduongnld)

4.4.18 Chia sẻ dữ liệu thông tin về hủy Quyết định hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm (người sử dụng lao động) (bhtn_huyqdhotrodaotaoboiduongnld_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu thông tin về hủy Quyết định hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm (người sử dụng lao động) từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin về việc hủy quyết định hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động (người sử dụng lao động).

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_huyqdhotrodaotaoboiduongnld.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/huyqdhotrodaotaoboiduongnld

Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 18: Thông tin về hủy Quyết định hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm (người sử dụng lao động) (data-type: bhtn_g09_huyqdhotrodaotaoboiduongnld)

4.4.19 Chia sẻ dữ liệu danh sách người lao động tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (bhtn_dsnldthamgiadaotaoboiduong_01)

- Mục đích: Cung cấp dữ liệu danh sách người lao động tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề từ Cơ sở dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp. Danh sách người lao động tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề theo quyết định hỗ trợ đào tạo của người sử dụng lao động.

- Mã loại dữ liệu (data-type): bhtn_g09_dsnldthamgiadaotaoboiduong.

- Đặc tả đầu vào (Query Parameters):

STT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	tuNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật từ ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
2	denNgay	date	x	Lọc bản ghi có ngày cập nhật đến ngày này. Định dạng YYYY-MM-DD
3	suKien	string		Lọc theo sự kiện: NEW, UPDATE, CANCEL. Không truyền: lấy tất cả
4	page	int		Số trang (bắt đầu từ 0). Mặc định: 0
5	size	int		Số bản ghi mỗi trang (tối đa 100). Mặc định: 20

- Chi tiết dịch vụ:

URL	https://api.ngsp.gov.vn/apiBHTN/1.0/api/bhtn/v1/dsnldthamgiadaotaoboiduong
Method	GET
Content-Type	application/json; charset=utf-8
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ dịch vụ bhtn_token)
Tham số lọc	Xem Đặc tả đầu vào ở trên (tuNgay, denNgay, suKien, page, size)
Cấu trúc content	Mỗi phần tử trong mảng content có cấu trúc theo Phụ lục 1 - Nhóm 19: Danh sách người lao động tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao

	trình độ kỹ năng nghề (data-type: bhtn_g09_dsnldthamgiadaotaoboiduong)

4.5 Bảng mã lỗi

Mã HTTP	Mã lỗi dịch vụ	Ý nghĩa
200	OK	Thành công
400	BAD_REQUEST	Tham số truy vấn không hợp lệ (sai định dạng ngày, thiếu tham số bắt buộc,...)
401	UNAUTHORIZED	Token không hợp lệ hoặc đã hết hạn. Lấy lại token từ dịch vụ bhtn_token
403	FORBIDDEN	Không có quyền truy cập nhóm dữ liệu này. Liên hệ Cục Việc làm để được cấp quyền
404	NOT_FOUND	Không tìm thấy tài nguyên yêu cầu
429	TOO_MANY_REQUESTS	Vượt quá giới hạn số lần gọi API. Hạn mức: 100 request/phút/cơ quan
500	INTERNAL_ERROR	Lỗi nội bộ hệ thống. Ghi nhận thời gian và request-id để báo cáo hỗ trợ
503	SERVICE_UNAVAILABLE	Dịch vụ tạm ngừng để bảo trì. Thử lại sau 5-10 phút

5. Bổ sung quy định kỹ thuật tiếp nhận và cập nhật dữ liệu

5.1. Các dịch vụ API GET tại Mục I.4 đặc tả luồng chia sẻ, khai thác dữ liệu; không thay thế cho đặc tả dịch vụ tiếp nhận, cập nhật dữ liệu từ các nguồn tạo lập. Việc tiếp nhận dữ liệu Nguồn 1, Nguồn 2 và Nguồn 3 tuân thủ Quyết định số 1275/QĐ-BNV và tài liệu kỹ thuật được các bên xác nhận.

5.2. Mỗi giao dịch/lô dữ liệu tiếp nhận cần xác định tối thiểu: hệ thống nguồn; mã giao dịch/mã lô; loại dữ liệu; phiên bản đặc tả; thời điểm gửi; số lượng bản ghi; mã định danh bản ghi; mã kiểm tra toàn vẹn khi áp dụng; trạng thái tiếp nhận; kết quả kiểm tra và kết quả cập nhật. Giới hạn kích thước lô, điểm cuối API và phương thức xác thực phải được công bố trong đặc tả riêng; không tự ấn định trong Quyết định này.

5.3. Phân biệt (i) xác nhận hệ thống đã tiếp nhận bản tin/gói dữ liệu và (ii) xác nhận bản ghi hợp lệ, được cập nhật vào dữ liệu chính thức. Cho phép trả kết quả từng bản ghi, xử lý lô thành công một phần và lưu danh sách lỗi để gửi lại, đối soát; việc gửi lại phải có mã giao dịch và cơ chế chống tiếp nhận trùng.

5.4. Dữ liệu từ ba nguồn trước khi công bố hoặc chia sẻ phải qua kho trung gian, kiểm tra, làm sạch, xác minh và phê duyệt theo Quyết định số 1275/QĐ-BNV. Dữ liệu lỗi được lưu trạng thái, chỉ định đầu mối xử lý, ghi nhật ký và không đưa vào khai thác chính thức khi chưa đủ điều kiện.

6. Quy ước chuẩn hóa và quản lý đặc tả dữ liệu

6.1. Mã loại dữ liệu đầy đủ dạng bhtn_g09_... và mã rút gọn trong các bảng XML phải có bảng ánh xạ một-một do đơn vị quản lý đặc tả xác nhận; tương

tự đối với mã dịch vụ và đường dẫn API. Không tự coi hai mã khác nhau là tương đương khi chưa có ánh xạ.

6.2. Đối với số tiền, thực hiện biểu diễn bằng kiểu số thập phân chính xác (decimal) theo hợp đồng dữ liệu, xác định đơn vị VND, độ chính xác và số chữ số thập phân. Các trường đang mô tả float trong bảng đặc tả cần được đối chiếu với chuẩn trao đổi đã thống nhất trước khi thay đổi định dạng để tránh làm sai hợp đồng đang sử dụng.

6.3. Trường chỉ có ngày lịch (như ngày sinh, ngày ban hành quyết định) dùng YYYY-MM-DD, không chuyển múi giờ để làm thay đổi ngày. Trường biểu diễn thời điểm sử dụng tiêu chuẩn ngày giờ có múi giờ/offset đã thống nhất; phải xác định rõ cách biểu diễn giá trị rỗng, độ dài ký tự và giới hạn kiểu số. Các ký hiệu int/3, int/10 trong bảng hiện hành được hiểu theo quy ước độ dài mô tả tại Phụ lục; bên triển khai phải kiểm tra miền giá trị tương ứng.

6.4. Danh mục, mã địa bàn và các mã nghiệp vụ phải có phiên bản, ngày hiệu lực và quy tắc ánh xạ mã lịch sử khi có thay đổi. XSD, JSON Schema, OpenAPI, bảng ánh xạ mã và danh sách endpoint môi trường thử nghiệm/chính thức được quản lý trong bộ đặc tả kỹ thuật có phiên bản và được đơn vị có thẩm quyền xác nhận.

6.5. Tách biệt trạng thái tiếp nhận, trạng thái chất lượng dữ liệu, sự kiện kỹ thuật NEW/UPDATE/CANCEL và trạng thái giải quyết/hưởng BHTN. Đối với bản ghi cập nhật phải quản lý mã định danh, phiên bản, ngày hiệu lực, nguồn xác nhận và lịch sử thay đổi; sai lệch nghiệp vụ do đơn vị có thẩm quyền xác minh.

II. Điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp

1. Yêu cầu về an toàn hệ thống thông tin

Hệ thống thông tin tham gia kết nối phải được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và thực hiện phương án bảo đảm an toàn theo cấp độ được xác định cho từng hệ thống, tuân thủ pháp luật hiện hành và yêu cầu an toàn tại thỏa thuận kết nối. Trường hợp có yêu cầu tối thiểu riêng đối với tuyến kết nối cụ thể thì thực hiện theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Kiểm tra, đánh giá an ninh, an toàn thông tin

Trước khi đưa kết nối vào khai thác hoặc khi có thay đổi ảnh hưởng đến an toàn thông tin, cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, phù hợp phạm vi thay đổi và cấp độ của hệ thống.

Việc sử dụng, kế thừa kết quả kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đã có chỉ thực hiện khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định áp dụng; không mặc nhiên được miễn đánh giá do trước đó đã kết nối với một hệ thống khác.

3. Ký số và bảo mật dữ liệu trao đổi

Bản tin dữ liệu đồng bộ về Trung tâm Dữ liệu quốc gia được ký số, xác thực theo định dạng và phương thức do cơ quan quản lý nền tảng quốc gia thống nhất (bao gồm XAdES khi áp dụng cho bản tin XML). Đối với các API chia sẻ, tiếp

nhận dữ liệu khác, cơ chế ký số hoặc bảo đảm tính toàn vẹn thực hiện theo thỏa thuận và đặc tả kết nối tương ứng; yêu cầu mã hóa truyền dẫn, xác thực, phân quyền, ghi nhật ký được áp dụng theo quy định.

III. Lưu ý khi kết nối

a) Đăng ký kết nối: Cơ quan, đơn vị có nhu cầu kết nối gửi đề nghị đến Cục Việc làm để tổng hợp và phối hợp Trung tâm Công nghệ thông tin, đơn vị vận hành và các bên liên quan xác nhận phạm vi dữ liệu, tuyến kết nối, phương án xác thực, phân quyền và địa chỉ dịch vụ. Thông tin định danh kỹ thuật chỉ được cấp theo cơ chế của nền tảng cung cấp dịch vụ.

b) Tần suất: Đồng bộ theo sự kiện đối với luồng hồ sơ DVC phát sinh; đối soát dữ liệu giữa HT GQ TTHC và Bộ công cụ theo Quyết định số 1275/QĐ-BNV. Đồng bộ theo lô hoặc theo lịch đối với luồng tương ứng theo thỏa thuận kết nối. Giới hạn tần suất gọi API do đơn vị quản lý dịch vụ công bố trong đặc tả, không áp dụng mặc định ngưỡng 1 giây/yêu cầu cho mọi dịch vụ.

c) Phân trang và đồng bộ tăng trưởng: Sử dụng tham số, ngưỡng phân trang và tiêu chí thời gian theo hợp đồng API hiện hành; hỗ trợ đối soát các bản ghi đã truyền. Không mặc định size=100 hoặc quy tắc lấy dữ liệu ngày hôm trước khi chưa được xác nhận trong đặc tả dịch vụ.

d) Bảo mật: Token và cặp khóa (consumer-key, consumer-secret) phải được bảo mật, không lưu trong mã nguồn (source code). Sử dụng biến môi trường (environment variable) hoặc kho bí mật (secret vault) để quản lý.

e) Hỗ trợ kỹ thuật: Đầu mối nghiệp vụ là Cục Việc làm; đầu mối tích hợp, vận hành và an toàn thông tin được xác định theo phân công và thỏa thuận kết nối của từng tuyến; xử lý sự cố có lưu vết, xác nhận kết quả và đối soát.